TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH QUẢNG NGÃI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2019/HNGĐ-PT
Ngày 09-01-2019
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Mỹ Giang

Các Thẩm phán: Bà Trịnh Thị Thu Lan

Bà Phạm Thị Thu Phương

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Phạm Thị Bích Lương – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi: Ông Nguyễn Huy Bình - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 09 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 02/2018/TLPT-HNGĐ ngày 13 tháng 12 năm 2018, về ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.

Do Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 49/2018/DSST ngày 07 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 65/2018/QĐ-PT ngày 28 tháng 11 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn P, sinh năm 1980; địa chỉ: Tổ 9, phường N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Bích Đ, sinh năm 1980; địa chỉ: Tổ 9, phường N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn bà Nguyễn Thị Bích Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Nguyễn P trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Năm 2006, ông và bà Nguyễn Thị Bích Đ sống chung với nhau như vợ chồng. Đến ngày 23-4-2007 ông và bà Đ đăng ký kết hôn

tại Ủy ban nhân dân phường N, thành phố Q. Quá trình chung sống, giữa ông và bà Đ phát sinh nhiều mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên cãi nhau và ông có đánh bà Đ vài lần. Nay, mâu thuẫn vợ chồng đã quá trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn nên ông yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn bà Nguyễn Thị Bích Đ.

Về con chung: Ông và bà Đ có một con chung là Nguyễn Bảo N, sinh ngày 12-12-2006. Khi ly hôn ông yêu cầu Tòa án giao con cho ông trực tiếp nuôi dưỡng, không yêu cầu bà Đ cấp dưỡng nuôi con. Tại phiên hòa giải ngày 11-10-2018, ông đồng ý giao con chung Nguyễn Bảo N cho bà Đ trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục và đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đồng (hai triệu đồng) cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp sơ thẩm, bị đơn bà Nguyễn Thị Bích Đ trình bày:

Về quan hệ hôn nhân, đăng ký kết hôn đúng như ông Nguyễn P trình bày. Trong quá trình chung sống giữa bà và ông P phát sinh nhiều mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên cãi nhau và ông P thường có hành vi bạo lực, đánh đập bà nhiều lần. Nay, ông P yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với bà thì bà đồng ý.

Về con chung: Bà và ông P có một con chung là Nguyễn Bảo N, sinh ngày 12-12-2006. Khi ly hôn bà yêu cầu Tòa án giao cháu N cho bà trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục, bà yêu cầu ông P phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đồng (hai triệu đồng) cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Mẹ của ông P có cho ông P thửa đất số 2784, tờ bản đồ số 01, diện tích 61,9m^2, tại phường N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi, sau đó bà có góp tiền xây dựng nhà nên nhà, đất nêu trên là tài sản chung của bà và ông P. Nếu sau khi ly hôn ông P không cho bà ở trên căn nhà nêu trên thì bà sẽ khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản chung.

Về nợ chung: Không có.

Bản án số 49/2018/DSST ngày 07 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi đã tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Nguyễn P và bà Nguyễn Thị Bích Đ.

Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Ông Nguyễn P và bà Nguyễn Thị Bích Đ có 01 con chung là Nguyễn Bảo N, sinh ngày 12-12-2006 (hiện đang ở với ông P và bà Đ).

Giao cháu Nguyễn Bảo N cho bà Nguyễn Thị Bích Đ trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Ông P có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đồng (hai triệu đồng). Thời gian cấp dưỡng nuôi con được tính từ tháng 11-2018 cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Về tài sản chung: Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Nếu các đương sự có tranh chấp về việc chia tài sản chung thì có quyền khởi kiện bằng 01 vụ án khác.

Về nợ chung: Ông Nguyễn P và bà Nguyễn Thị Bích Đ trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về lãi suất chậm thi hành án, án phí, quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 29/11/2018 bị đơn bà Nguyễn Thị Bích Đ có đơn kháng cáo với nội dung: Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm buộc ông Nguyễn P phải chia căn nhà là tài sản chung của vợ chồng. Nếu Tòa án không buộc ông P chia căn nhà, thì phải cho mẹ con bà Đ được lưu cư và phải hỗ trợ cho mẹ con bà Đ một khoản tiền để tìm nơi ở mới.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi tại phiên tòa phúc thẩm:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự kể từ khi thụ lý vụ án đều thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Tại giai đoạn sơ thẩm, nguyên đơn ông Nguyễn P trình bày vợ chồng ông không có tài sản chung, bà Nguyễn Thị Bích Đ trình bày vợ chồng có tài sản chung là căn nhà gắn liền với thửa đất số 2784, tờ bản đồ số 01, diện tích 61,9m^2, tại phường N, thành phố Q. Tòa án cấp sơ thẩm đã thông báo cho bà Đ làm đơn khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung nhưng bà Đ không thực hiện. Tại phiên hòa giải ngày 11-10-2018 ông P và bà Đ thật sự tự nguyện ly hôn và đã thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ các vấn đề có tranh chấp trong vụ án, riêng về tài sản chung thì ông P và bà Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngày 29-10-2018, bà Đ có đơn phản tố yêu cầu Tòa án buộc ông P chia tài sản chung là căn nhà gắn liền với thửa đất số 2784, tờ bản đồ số 01, diện tích 61,9m^2, tại phường N, thành phố Q. Việc bà Đ yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản chung sau khi Tòa án đã tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải là không phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 200, khoản 1 Điều 244, Điều 293 Bộ luật tố tụng dân sự. Kháng cáo của bà Đ là không có căn cứ, nếu vợ chồng có tài sản chung thì bà Đ có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết bằng vụ án khác. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Sau khi Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý vụ án, tại Bản tự khai ngày 09-8-2018 (bút lục 24) cũng như quá trình giải quyết vụ án bà Đ trình bày: *Bà và ông P có tài sản chung là căn nhà gắn liền với thửa đất số 2784, tờ bản đồ số 01, diện tích 61,9m^2, tại phường N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi, khi ly hôn bà yêu cầu chia đôi tài sản là nhà và đất;* còn ông P cho rằng: *Ông và bà Đ không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, việc bà Đ trình bày có tài sản chung là không đúng*.

[2] Ngày 30-8-2018, Tòa án cấp sơ thẩm đã triệu tập bà Đ làm việc, lấy lời khai, bà Đ trình bày: *Bà sẽ làm đơn khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày 30-8-2018, nếu hết thời hạn trên mà bà không làm đơn thì bà sẽ khởi kiện bằng một vụ án khác, bà không yêu cầu chia tài sản chung trong vụ án này* (bút lục 27). Trong thời hạn ấn định bà Đ không làm đơn yêu cầu chia tài sản chung.

[3] Ngày 11-10-2018, tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải bà Đ trình bày: *Mẹ ông P có cho ông P 01 thửa đất 2784, tờ bản đồ số 01, diện tích 61,9m^2, sau đó bà có góp tiền xây dựng nhà, đây là tài sản chung của bà và ông P, nếu sau khi ly hôn ông P không cho bà ở trên căn nhà trên thì bà sẽ khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản chung*.

[4] Ngày 26-10-2018, Tòa án cấp sơ thẩm ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử thì ngày 29-10-2018 bà Đ mới có Đơn khởi kiện phản tố yêu cầu chia tài sản chung là nhà và đất tại thửa đất 2784, tờ bản đồ số 01, diện tích 61,9m^2.

[5] Như vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã làm việc, thông báo cho bà Đ làm đơn yêu cầu chia tài sản chung trong thời hạn luật định, nhưng sau khi Tòa án đã tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải bà Đ mới có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản chung. Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét, giải quyết là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 200 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Kháng cáo của bà Đ là không có cơ sở chấp nhận. Trường hợp bà Đ có tranh chấp về việc chia tài sản chung, yêu cầu được lưu cư, hỗ trợ tiền để tìm nơi ở mới thì bà Đ có quyền khởi kiện bằng vụ án khác.

[6] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[7] Về án phí: Bà Đ phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, khấu trừ tiền tạm ứng án phí bà Đ đã nộp.

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 148, khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị Bích Đ. Giữ nguyên Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 49/2018/HNGĐ-ST ngày 07 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

Bà Nguyễn Thị Bích Đ phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự phúc thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng bà Đ đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0000171 ngày 04-12-2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Quảng Ngãi.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- TAND TP. Quảng Ngãi;
- Chi cục THADS TP. Quảng Ngãi;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, Toà Dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Mỹ Giang